

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2023/DS-PT  
Ngày: 03/8/2023  
V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hùng Quang.

Các thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Bà Châu Minh Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Bằng -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2023/TLPT- DS ngày 02/6/2023 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:135/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Thanh B, sinh năm: 1959 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn E, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Ngô Đình C, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 362A, Nguyễn Trãi, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2022).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Lô C7, đường Tôn Đức Thắng, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

3. Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C ..

4. Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1959 (vợ ông B, vắng mặt).

5. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1977 (vợ ông E, vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1999 (con ông E, vắng mặt).

7. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 2004 (con ông E, vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thúy Y, sinh năm: 2001 (con ông E, vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

*Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn E là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thanh B trình bày:* Bà Trần Thị Tư được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào năm 1997, tại thửa đất số 283, tờ bản đồ số 8 khi đó phần đất này có phần bờ đất giáp kênh Chông Mỹ. Năm 1992 thì gia đình bà Trần Thị Tư cố cho ông Phạm Thanh B giá 6,5 lượng vàng 24K. Sau đó bà Tư có chuộc đất lại và canh tác được hai vụ thì tiếp tục cố cho ông B. Khoảng năm 2000, Nhà nước có chủ trương chuyển dịch từ đất trồng lúa sang đất nuôi tôm thì ông B có thuê người đắp bờ để nuôi tôm ổn định, liên tục năm 2016 hai bên thỏa thuận tăng số tiền cố đất là 300.000.000 đồng. Sau đó bà Tư không có khả năng chuộc lại đất nên đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất cố này cho ông B. Vị trí phần đất cố diện tích 13 công tầm lớn, vị trí chuyển nhượng dài từ mí bờ ngang phần đất bà Tư đến mí lộ bờ Nam, nhưng không thể hiện diện tích.

Hướng Đông: Giáp kênh Chông Mỹ.

Hướng Tây: Giáp đất ông B, ông Phạm Quốc Dũng, ông Nguyễn Văn Nhân.

Hướng Nam: Giáp đất ông Nguyễn Văn E.

Hướng Bắc: Giáp một phần giáp kênh Chông Mỹ, một phần giáp ấp Công Điền, xã Phong Điền.

Năm 2016 có làm lại giấy cố đất. Phần đất cố có thể hiện rõ vị trí thửa đất phía Đông giáp kênh Chông Mỹ. Từ khi cố, ông B trực tiếp sử dụng quản lý phần bờ đất này thuê người lấy đất đắp bờ.

Khi ông E được hưởng thừa kế của bà Tư và được cấp GCNQSDĐ, không

có cấp cho ông E phần bờ đất này đến năm 2018 gia đình ông E không có khả năng chuộc đất nên chuyển nhượng luôn cho ông B với số tiền 1.950.000.000 đồng. Ông B được cấp GCNQSDĐ vào năm 2019. Việc trừ phần bờ đất là cơ quan nhà nước tự xác định và không cấp GCNQSDĐ. Phần diện tích bờ đất giáp kênh Chông Mỹ gia đình ông B vẫn quản lý, sử dụng, khai thác từ năm 1992 đến nay người trực tiếp quản lý, sử dụng phần bờ đất này là ông B. Năm 2021 khi có Dự án kết nối vào Đầm Thị Tường thì gia đình ông B đã chấp hành tốt chủ trương, giao đất nằm trong dự án cho Nhà nước để giải phóng mặt bằng để xây dựng đường và hiện nay con đường sắp hoàn thành. Hiện nay, không biết lý do gì mà ông E cho rằng phần đất nói trên là của ông E nên phát sinh tranh chấp. Hiện nay ông B đang sử dụng phần đất nông nghiệp tại thửa số 17, tờ bản đồ số 01 (Mảnh trích đo địa chính do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau lập), diện tích 1.074,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Phần đất này ông B đã trực tiếp sử dụng ổn định từ năm 1992 và đã được Ủy ban nhân dân xã Phong Điền xác nhận là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên phần đất này.

Ngày 29/8/2022 Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời ban hành Quyết định số: 316/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại thửa số 17, tờ bản đồ số 01, (Mảnh trích đo địa chính do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà M lập), diện tích 1.074,7m<sup>2</sup>. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời ban hành Quyết định số: 4352/QĐ-UBND phê duyệt phương án (bổ sung lần 4) với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.043.533.700 đồng có nội dung phần đất ông B và ông E đang có tranh chấp chưa được giải quyết và sau khi có văn bản giải quyết tranh chấp thì Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau lập thủ tục chi trả theo quy định. Ông B có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Phong Điền hòa giải tranh chấp nhưng ông E cố tình không đến làm việc dẫn đến không hòa giải được. Nay ông B yêu cầu được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.043.533.700 đồng. Ngoài ra ông B không yêu cầu gì khác.

- *Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Đình C trình bày:* Ông không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu của ông B vì số tiền trên là tiền Nhà nước bồi thường, hỗ trợ việc thu hồi đất cho bà Trần Thị Tư là mẹ của ông Nguyễn Văn E, hiện bà Tư đã chết nên số tiền này phải do các con của bà Tư nhận và các con của bà Tư đã ủy quyền cho ông E nhận số tiền trên. Phần đất nguyên đơn khởi kiện và số tiền 1.043.533.700 đồng là bà Tư được Nhà nước, chính quyền địa phương thừa nhận, xác nhận là đất và tiền của bà Tư.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T2 trình bày:* Thống nhất với ý kiến của ông B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà M có ý kiến:* Tại Công văn số 101/TTPTQĐ ngày 22/02/2023 thể hiện theo

Phương án bồi thường, hỗ trợ của ông Nguyễn Văn E (đang tranh chấp với ông Phạm Thanh B) tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 01 (Mảnh trích đo địa chính số 09 được Sở tài nguyên và môi trường duyệt ngày 08/3/2021) với diện tích 1.047,7m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời phê duyệt tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời với tổng số tiền theo phương án được phê duyệt là 1.043.533.700 đồng. Sau khi có Quyết định của cấp thẩm quyền về việc giải quyết tranh chấp, Trung tâm sẽ căn cứ hồ sơ và tổ chức chi trả theo quy định. Đồng thời, Trung tâm xin vắng mặt không tham gia phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời ý kiến:* Tại Công văn số 846/UBND-VP ngày 28/02/2023 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đến khi vụ án kết thúc.

- *Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2022, thể hiện:* Do hiện trạng con Kênh Chổng Mỹ hiện nay không còn, trên thực địa thực tế hiện nay đang có công trình thi công làm đường kết nối vào Đầm Thị Tường, nên không thực hiện được việc khảo sát đo đạc vị trí đất giao kết cầm cố, chuyển nhượng. Các bên thống nhất không thực hiện việc đo đạc lại diện tích và vị trí đất chuyển nhượng được giao kết giữa các bên theo Hợp đồng sang nhượng đất ngày 24/3/2018 (âm lịch).

*Tại bản án sơ thẩm số 103/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.*

Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh B đối với ông Nguyễn Văn E.

Công nhận ông Phạm Thanh B được quyền sở hữu và được nhận số tiền 1.043.533.700 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng) tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau (Theo Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời đối với phần đất 1.047,7m<sup>2</sup> bị thu hồi theo Quyết định số: 316/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (chưa nộp).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/4/2023 Ông Nguyễn Văn E kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Bị đơn yêu cầu sửa bản án, theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn E giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn E còn trong thời hạn luật định. Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp quyền sở hữu tài sản khoản tiền bồi thường 1.043.533.700 đồng về đất, theo Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường đối với phần đất bị thu hồi diện tích 1.047,7m<sup>2</sup>, vị trí thửa đất số 17; Tờ bản đồ số 01, theo Quyết định số: 316/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Nguồn gốc phần đất là của bà Trần Thị Tư là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn E. Phần đất bị thu hồi nằm trong diện tích đất của bà Trần Thị Tư được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào năm 1997.

[2] Nguyên đơn cho rằng diện tích đất 1.047,7m<sup>2</sup> bị thu hồi là nằm trong diện tích đất nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng của bị đơn theo Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 24/3/2018 (âm lịch); Bị đơn cho rằng phần đất bị thu hồi là của gia đình bị đơn. Nguyên và bị đơn thừa nhận có thỏa thuận chuyển nhượng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 24/3/2018 (âm lịch) là đúng, nhưng phần đất chuyển nhượng không nói rõ diện tích, nguyên đơn cho là khi chuyển nhượng không có đo đạc vì trước đây bị đơn đã cầm cố cho nguyên đơn diện tích là 13 công tằm lớn có nói rõ tứ cận.

Sau thời gian cố đất phía gia đình bà Tư, ông E không có khả năng chuộc lại phần đất trên, nên hai bên thỏa thuận nâng giá và đi đến việc chuyển nhượng, khi chuyển nhượng hoàn toàn không có thỏa thuận trừ ra phần đất bị thu hồi và hiện nay ông Phạm Thanh B đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 11.466,1m<sup>2</sup>. Theo ông B thì phần đất của ông có bờ đất, bị thu hồi, nhưng phần bờ đất này do dự kiến làm lộ nên khi cấp giấy, không thể hiện trên giấy cấp đất. Kể cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E cũng không thể hiện phần đất này.

[3] Đối chiếu khi chuyển nhượng hai bên thỏa thuận tính từ bờ ngang giữa phần đất đến lộ bờ Nam, hiện tại ông B chỉ được cấp đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 11.466,1m<sup>2</sup> hai bên cũng thừa nhận vị trí cầm cố

và vị trí chuyển nhượng không có khác biệt, đồng thời khi chuyển nhượng phần đất của ông B đã có bờ bao sẵn và bờ đất bị thu hồi gia đình ông B sử dụng thời điểm trồng lúa là bờ đất, đến khi nuôi tôm đắp bờ để giữ nước cũng như đến thời điểm giải phóng mặt bằng ông B là người quản lý.

[4] Căn cứ vào quá trình cổ đất và sử dụng đất từ năm 1992, hợp đồng cổ đất ngày 14/10/2012 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/3/2018. Việc gia đình ông E cổ đất và chuyển nhượng phần đất này cho ông B, vị trí tứ cận thể hiện hướng Đông giáp kênh Chổng Mỹ; hướng Tây giáp phần đất ông Phạm Thanh B, Phạm Quốc Dũng, Nguyễn Văn Nhân; hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn E; hướng Bắc giáp một phần kênh Chổng Mỹ và một phần ấp Công Điền, xã Phong Điền. Tại Hợp đồng sang nhượng đất ngày 24/3/2018 (âm lịch) nguyên đơn xác định khi chuyển nhượng là chuyển nhượng hết phần đất đã có bờ bao, phía Đông giáp kênh Chổng Mỹ. Quá trình trước khi chuyển nhượng cũng do nguyên đơn sử dụng mức đất từ kênh đắp lên bờ đất. Bờ đất giáp kênh Chổng Mỹ gia đình nguyên đơn vẫn sử dụng khi trồng lúa đã đắp bờ giữ nước, khi nuôi tôm dùng để sả nước xuống kênh.

[5] Phía bị đơn xác định diện tích đất và vị trí đất thỏa thuận ban đầu là cầm cố, sau đó là chuyển nhượng cho ông B là không có phần bờ đất. Xét thấy tại giấy cầm cố và chuyển nhượng đều ghi rõ hướng Đông giáp kênh Chổng Mỹ chứ không phải giáp bờ đất, bờ đất vẫn còn nằm trong phần đất. Tại đơn xác nhận của Đoàn Văn Ngộ, Nguyễn Văn Thù, Phạm Quốc Dũng, Trần Minh Sự, Trần Văn Tân có xác nhận của Trưởng ấp Châu Văn Việt đều xác nhận chuyển nhượng luôn bờ đất để nuôi tôm, bờ đất giáp kênh Chổng Mỹ. Xét lời trình bày các đương sự trên là có căn cứ. Cụ thể, trước đây mẹ bị đơn cầm cố, sau đó là bị đơn tiếp tục cầm cố và chuyển nhượng cho nguyên đơn, có thể hiện rõ tứ cận và phía Đông giáp kênh Chổng Mỹ, việc chuyển nhượng toàn bộ phần đất cầm cố, không có căn cứ chứng minh chừa lại phần bờ đất giáp kênh Chổng Mỹ. Bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện có việc thỏa thuận chừa lại phần bờ đất này. Điều này cũng không phù hợp với quá trình cổ đất và thực tế khi sang nhượng đất thì phải có đường nước để thuận tiện cho việc canh tác (nuôi tôm) và đi ra vào phần đất chuyển nhượng, không có lý do gì phải chừa lại bờ đất, vì giá trị sử dụng không lớn nếu không bị thu hồi. Đối với phần bờ đất này thì không có tài liệu gì thể hiện bị đơn sử dụng, canh tác. Tại Công văn số 123/UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời gửi Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Cà M có nội dung “*Vì vậy vị trí thửa số 17; Tờ bản đồ số 01, thuộc Mảnh trích đo địa chính số 09-2021 được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 8/3/2022 ông E không canh tác, quản lý nên ông Nguyễn Văn E không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp tại vị trí nói trên*”. Trong khi đó, ông B cung cấp đơn xin xác nhận ngày 12/9/2022 có nội dung ông B đã canh tác, sử dụng phần đất bị thu hồi từ thời điểm năm 1992 khi cổ đất của bà Trần Thị Tư là mẹ ruột của ông E, trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời xác nhận.

[6] Tại tòa phúc thẩm phía đại diện bị đơn cho là Biên bản trao đổi giải quyết ngày 5/8/2022 của UBND huyện Trần Văn Thời và Quyết định số 4358 của UBND

huyện, bồi thường cho ông E xét nội dung biên bản và quyết định này chỉ là trao đổi, xem xét ý kiến, hướng giải quyết không phải là quyết định cuối cùng, vì chưa có kết luận ai được quyền sở hữu nhận tiền bồi thường. Tại Quyết định số 4358/QĐ-UBND về việc hỗ trợ bồi thường tái định cư... Tại Điều 1.3 UBND huyện cho là “..Hiện nay phần đất trên đang tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn E và ông Phạm Thanh B chưa được cấp thẩm quyền giải quyết...” Thực tế phần đất bồi thường gia đình ông E hoàn toàn không sử dụng từ khi cô đất cho đến thời điểm chuyển nhượng. Nếu không có việc giải phóng, bồi thường thì phần đất này ông B vẫn quản lý và sử dụng.

Như vậy cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[7] Trong vụ án này việc tranh chấp giữa ông B với ông E về việc ai là sở hữu được nhận số tiền 1.043.533.700 đồng. Ông T2 xác định yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ông B nhận số tiền trên, ông không yêu cầu gì đối với số tiền này. Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với tranh chấp nhận tiền bồi thường giữa ông B với ông E trên phần đất bị thu hồi, các quan hệ chuyển nhượng khác không đặt ra xem xét là phù hợp.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn E. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn E. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Về tranh chấp quyền sở hữu tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ai là chủ sở hữu phải chịu án phí không giá ngạch là 300.000đ. Nguyên đơn đã tự nguyện chịu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn E phải chịu 300.000đ

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn E.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 103/2023/DS-ST ngày 11/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh B đối với ông Nguyễn Văn E.

Công nhận ông Phạm Thanh B được quyền sở hữu và được nhận số tiền 1.043.533.700 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng) tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Cà Mau (Theo Quyết định số 4358/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, đối với phần đất 1.047,7m<sup>2</sup> bị thu hồi theo Quyết định số: 316/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời về việc thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn E phải chịu 300.000đ. Ngày 25/4/2023 ông Nguyễn Văn E đã dự nộp 300.000đ lai số 0006625 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Hùng Quang**

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Dương Hùng Quang**

